

Số: 1166-1/QĐ-ĐHLN-ĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển liên thông
trình độ đại học hình thức chính quy học tại Phân hiệu Đồng Nai**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh đại học; Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 28/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc tuyển sinh đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1165-1 /BB-ĐHLN-ĐT, ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc xét tuyển sinh đào tạo đại học và liên thông trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đợt tháng 6 năm 2021.

Xét đề nghị của Ủy viên Thường trực HĐTS –Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 91 sinh viên trúng tuyển đại học, liên thông trình độ đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học, (Có danh sách kèm theo).

TT	Ngành xét tuyển	Tốt nghiệp trung cấp	Tốt nghiệp cao đẳng	Tốt nghiệp đại học	Tổng cộng
1	Ngành Kế toán	17	31	12	60

2	Ngành Thú y	12	03	-	15
3	Ngành Quản lý đất đai	06	03	07	16
	Cộng	35	34	22	91

Sinh viên trúng tuyển nhập học vào: Tháng 7/2021.

Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong trường có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Phó Hiệu trưởng (đề b/c);
- Phân hiệu Đồng Nai;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH HĐQT

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Trần Văn Chứ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2021

DÁCH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số ~~1166~~ 1166-1/ĐHLN-ĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch HĐTS- Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu	KV	ĐT	Tốt nghiệp TC/CĐ		Phương thức xét tuyển		
						Ngành đào tạo	Hệ	Điểm TBC TC/CĐ/ĐH	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
I. Thí sinh tốt nghiệp trung cấp										
I.1. Ngành kế toán: 17 Thí sinh										
1	Khẩu Hoàng Anh	18/07/1998	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Điện Công nghiệp	CQ	6,5	0,75	7,25
2	Nguyễn Duy Bảo	12/04/1978	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Tài chính- Kế toán	CQ	5,2	0,5	5,70
3	Phạm Văn Cương	03/04/1986	TP Sầm Sơn, Thanh Hóa	0	1	Bảo quản máy, thiết bị, vật tư	CQ	6,4	0,75	7,15
4	Nguyễn Thị Thu Hà	21/01/2002	Thanh Ba, Phú Thọ	0	2NT	Kế toán doanh nghiệp	CQ	8,1	0,5	8,60
5	Bùi Thị Hằng	17/12/1995	TP. Ninh Bình, Ninh Bình	0	1	Kế toán	CQ	7,7	0,75	8,45
6	Hoàng Đức Hưởng	20/06/1988	Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Điều khiển tàu thủy	CQ	8,4	0,25	8,65
7	Phan Thị Minh Nguyệt	26/06/1984	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	7,1	0,75	7,85
8	Lê Đoàn Hồng Nhung	22/05/2001	TP Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	5,3	0,25	5,55
9	Võ Thị Hồng Phúc	20/09/1981	Thống Nhất, Đồng Nai	0	1	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,0	0,75	6,75
10	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/11/1997	TP Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,6	0,25	6,85
11	Lâu Lý Sáng	27/02/1982	Trảng Bom, Đồng Nai	01	1	Điện tử	CQ	6,0	0,75	6,75
12	Bùi Văn Sỹ	15/08/2000	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Bảo trì và sửa chữa máy nông c	CQ	6,3	0,75	7,05
13	Lê Đức Tâm	13/06/1992	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,7	0,25	6,95
14	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/12/1979	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Thống kê- Kế toán tổng hợp	TC	6,4	0,5	6,85
15	Trần Thị Trang	25/08/1985	Kim Sơn, Ninh Bình	0	2NT	Kế toán tổng hợp	CQ	7,8	0,5	8,30
16	Nguyễn Thị Bích Vân	02/03/1980	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Hạch toán- Kế toán	TC	6,0	0,5	6,50
17	Nguyễn Vũ Tiểu Vi	16/06/1999	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	7,2	0,25	7,46
I.2. Ngành Thú y: 12 Thí sinh										
18	Nguyễn Chi Bảo	07/07/2000	Nhơn Trạch, Đồng Nai	0	2NT	Chăn nuôi Thú y	CQ	6,8	0,5	7,30
19	Nguyễn Văn Dũng	17/07/1996	Bù Đăng, Bình Phước	0	1	Thú y	CQ	7,4	0,75	8,15
20	Lê Thanh Dũng	19/11/1984	Xuân Lộc, Đồng Nai	0	1	Thú y	CQ	7,1	0,75	7,85

21	Nguyễn Như Hiệp	02/11/1980	Đông Hưng, Thái Bình	0	2NT	Thú y	CQ	7,3	0,5	7,80
22	Đặng Văn Hợp	20/01/1984	Nghi Lộc, Nghệ An	0	1	Chăn nuôi Thú y	CQ	6,8	0,75	7,55
23	Mai Xuân Linh	25/01/2003	Đức Trọng, Lâm Đồng	0	1	Chăn nuôi Thú y	CQ	5,6	0,75	6,35
24	Lê Đức Phương	11/06/1994	TP. Rạch Giá, Kiên Giang	0	2	Điện công nghiệp và dân dụng	CQ	6,6	0,25	6,85
25	Hồ Ngọc Tâm	01/05/1992	TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	0	2	Chăn nuôi Thú y	CQ	6,5	0,25	6,75
26	Sơn Thái Tản	27/04/2000	Long Phú, Sóc Trăng	01	1	Chăn nuôi Thú y	CQ	6,3	0,75	7,05
27	Trần Trung Tín	20/09/1990	Xuân Lộc, Đồng Nai	0	1	Chăn nuôi Thú y	CQ	7,3	0,75	8,05
28	Nguyễn Thị Hoàng Trang	29/05/2000	Giồng Trôm, Bến Tre	0	2NT	Chăn nuôi Thú y	CQ	6	0,5	6,50
29	Nguyễn Minh Trung	07/07/1983	Tiểu Cần, Trà Vinh	0	1	Chăn nuôi Thú y	CQ	7,5	0,75	8,25
I.3. Ngành Quản lý đất đai: 06 Thí sinh										
30	Nguyễn Trần Nghĩa Bình	24/01/1984	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	2NT	Quản lý đất đai	CQ	5,5	0,5	6,00
31	Phạm Thị Ny Na	20/10/1988	Đức Linh, Bình Thuận	0	1	Quản lý đất đai	CQ	6,6	0,75	7,35
32	Nguyễn Đức Hiệp	13/09/1983	Cẩm Mỹ, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	6,37	0,75	7,12
33	Trần Văn Quang	10/02/1989	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Kỹ thuật Trắc địa	CQ	6,3	0,75	7,05
34	Đoàn Anh Tuấn	21/06/1993	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Kỹ thuật trắc địa	CQ	6	0,5	6,50
35	Lê Thế Việt	02/03/1986	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Quản lý nhà đất đô thị	CQ	6,4	0,5	6,90
II. Thí sinh tốt nghiệp Cao đẳng										
II.1. Ngành kế toán: 31 Thí sinh										
36	Nguyễn Tuấn Anh	12/08/1988	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Công nghệ Cơ - Điện cơ	CQ	6,68	0,5	7,18
37	Ngô Thị Ngọc Ánh	07/07/1997	TP Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán	CQ	6,58	0,25	6,83
38	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/10/1988	Cẩm Mỹ, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	6,32	0,25	6,57
39	Ngô Thị Bé	10/10/1998	Lộc Hà, Hà Tĩnh	0	2NT	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,77	0,5	7,27
40	Nguyễn Đình Chi	19/01/1997	Anh Sơn, Nghệ An	0	1	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,92	0,75	7,67
41	Nguyễn Thị Diễm	16/10/1992	Mộ Đức, Quảng Ngãi	0	2NT	Kế toán	CQ	5,675	0,5	6,18
42	Cao Thị Hồng Duyên	26/10/1992	Tân Phú, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	6,2	0,75	6,95
43	Nguyễn Tuấn Đạt	12/04/1998	Krông Nô, Đắk Nông	0	1	Kế toán	CQ	5,5	0,75	6,25
44	Nguyễn Minh Đoàn	06/12/1992	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	7,5	0,75	8,25
45	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	20/07/1990	Xuân Lộc, Đồng Nai	0	1	Quản trị kinh doanh - CN Ngân	CQ	5,525	0,75	6,28
46	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1993	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	6,49	0,75	7,24

47	Nguyễn Bạch Tuyết Hoa	10/09/1990	Tân Trụ, Long An	0	2NT	Kế toán	CQ	5,96	0,5	6,46
48	Nguyễn Thị Kim Huy	01/01/1989	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,6	0,75	7,35
49	Nguyễn Chi Diệu Huyền	15/08/2000	Long Thành, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	6,39	0,75	7,14
50	Lý Thị Mai	13/12/1992	Chợ Mới, Bắc Kạn	01	1	Kế toán	VLVH	7,05	0,75	7,80
51	Nguyễn Trà My	04/11/1999	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,675	0,5	7,18
52	Phạm Bích Mỹ Ngân	06/12/1994	Tân Phú, Đồng Nai	0	1	Tài chính - Ngân hàng	CQ	6,1	0,75	6,85
53	Đặng Thị Nhung	01/02/1985	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	7,6	0,75	8,35
54	Hồ Thị Nhung	07/01/1990	TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa	0	1	Kế toán	CQ	7,91	0,75	8,66
55	Phan Thị Thùy Sâm	19/06/1990	Thống Nhất, Đồng Nai	0	2NT	Kế toán	CQ	6,65	0,5	7,15
56	Nguyễn Minh Thắng	06/12/1992	TP Bạc Liêu, Bạc Liêu	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	7,33	0,25	7,58
57	Phan Thị Thanh	26/06/1994	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	8,09	0,25	8,34
58	Võ Đại Thành	04/12/1992	Xuân Lộc, Đồng Nai	0	1	Tài chính - Ngân hàng	CQ	5,8	0,75	6,55
59	Lê Thị Anh Thư	15/10/2001	TP Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,3	0,25	6,55
60	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02/06/1991	Quận 7, TP Hồ Chí Minh	0	3	Kế toán doanh nghiệp	CQ	6,1	0	6,10
61	Nguyễn Thị Trà	23/09/1992	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	0	1	Kế toán	CQ	6,19	0,75	6,94
62	Trần Lệ Trinh	01/02/1991	Trảng Bom, Đồng Nai	0	1	Quản trị kinh doanh	CQ	6,77	0,75	7,52
63	Trần Thị Hồng Vân	25/12/1989	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Kế toán	CQ	7,58	0,75	8,33
64	Lê Thanh Vũ	18/07/1990	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Tài chính - Ngân hàng	CQ	6,69	0,75	7,44
65	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/06/1999	TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	0	2	Kế toán	CQ	6,79	0,25	7,04
66	Nguyễn Thị Hải Yến	20/11/1992	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Tài chính - Ngân hàng	CQ	6,6	0,25	6,85
II.2. Ngành Quản lý đất đai: 03 Thí sinh										
67	La Chí Dũng	27/05/1992	TP. Thuận An, Bình Dương	0	2	Quản lý đất đai	CQ	6,51	0,25	6,76
68	Nguyễn Mạnh Hùng	04/11/1994	Đạ Tẻh, Lâm Đồng	0	1	Quản lý đất đai	CQ	5,89	0,75	6,64
69	Đoàn Thanh Sơn	29/07/1994	Thống Nhất, Đồng Nai	0	1	Công nghệ Kỹ thuật trắc địa	CQ	5,87	0,75	6,62
II.3. Ngành Thú y: 03 Thí sinh										
70	Mai Văn Bằng	22/07/1994	Long Thành, Đồng Nai	0	2NT	Việt Nam học	CQ	6,44	0,5	6,94
71	Đoàn Thị Kim Hạnh	31/10/1992	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	0	1	Tài chính Ngân hàng	CQ	6,85	0,75	7,60
72	Trần Thị Thanh	20/12/1995	Bình Lục, Hà Nam	0	2NT	Dịch vụ thú y	CQ	6,475	0,5	6,98
III. Thí sinh tốt nghiệp đại học										

III.1. Ngành kế toán: 12 Thí sinh										
73	Nguyễn Thị Bình	20/09/1971	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Hệ thống thông tin kinh tế	TC	6,25	0,25	6,50
74	Phan Thị Mỹ Dung	28/12/1996	TX Đông Hòa, Phú Yên	0	2NT	Khoa học môi trường	CQ	5,575	0,5	6,08
75	Trần Mạnh Hà	28/01/1976	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Lịch sử	VLVH	7,47	0,5	7,97
76	Nguyễn Thị Hằng	23/25/1989	Thống Nhất, Đồng Nai	0	2NT	Việt Nam học	CQ	6,32	0,5	6,82
77	Lê Thị Diệu Huyền	20/04/1997	Hải Lăng, Quảng Trị	0	2NT	Luật Hành Chính	CQ	7,94	0,5	8,44
78	Bùi Xuân Hưng	22/12/1985	Thống Nhất, Đồng Nai	0	1	Dược sỹ	CQ	7,09	0,75	7,84
79	Nguyễn Thụy Thoại Lam	07/05/1997	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	0	1	Quản lý đất đai	CQ	7,11	0,75	7,86
80	Hồ Thị Lê	20/12/1977	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Luật	TC	6,06	0,25	6,31
81	Lê Thị Mỹ	06/03/1981	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Hệ thống thông tin kinh tế	TX	5,45	0,25	5,70
82	Nguyễn Hồng Phượng	02/06/1987	Trảng Bom, Đồng Nai	0	2NT	Quản trị kinh doanh	CQ	8,16	0,5	8,66
83	Trương Khắc Sừ	02/02/1985	Tân Phú, Đồng Nai	0	1	Kinh tế - Luận	CQ	7,75	0,75	8,50
84	Bùi Thị Thủy	13/03/1978	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Hệ thống thông tin kinh tế	TC	5,72	0,25	5,97
III.2. Ngành Quản lý đất đai: 07 Thí sinh										
85	Võ Thị Bông	19/04/1981	Đức Linh, Bình Thuận	0	1	Môi trường	CQ	6,78	0,75	7,53
86	Nguyễn Hữu Dũng	09/11/1978	Đức Linh, Bình Thuận	0	1	Khoan khai thác dầu khí	CQ	5,66	0,75	6,41
87	Lê Văn Hoàn	04/06/1996	Định Quán, Đồng Nai	0	1	Luật học	CQ	6,69	0,75	7,44
88	Nguyễn Thị Năm	25/03/1989	Diễn Châu, Nghệ An	0	1	Xã hội học	CQ	7	0,75	7,75
89	Nguyễn Trí Nhân	29/11/1984	TP. Biên Hòa, Đồng Nai	0	2	Luật học	VLVH	5,8	0,25	6,05
90	Nguyễn Thị Phương	10/08/1987	Phú Hòa, Phú Yên	0	1	Công nghệ sinh học	CQ	6,34	0,75	7,09
91	Huỳnh Thị Thanh Thảo	24/01/1984	Đức Linh, Bình Thuận	0	1	Kinh tế	TC	6,37	0,75	7,12

Tổng số: 91 thí sinh

CHỦ TỊCH HĐTS-HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. TRẦN VĂN CHÚ

ỦY VIÊN TTHĐTS-TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PHẠM MINH TOẠI

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN VĂN HUYỀN